BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN E

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1024 /BVE-ĐT&CĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: - Bộ Y tế;
- Cục Quản lý Khám, chữa bệnh- Bộ Y tế.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện E

Số giấy phép hoạt động: 211/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 10 tháng 02 năm 2022

Địa chỉ: 89 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS Nguyễn Công Hựu

Điện thoại liên hệ: 0243.261.6666

Email (nếu có): tdc.ehospital@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ đa khoa
2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: Phụ lục kèm theo
3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không
4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 60 người/năm
5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 38.400.000 đồng/ học viên/ khóa học

Bệnh viện E cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT&CĐT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN E

Nguyễn Công Hựu

Phụ lục I

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 1024 /BVE-ĐT&CĐT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện E)

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
1	Vũ Hải Vinh	BSCKII	Khoa Hồi sức tích cực nội khoa và chống độc	0008287/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Hồi sức cấp cứu	12
2	Đỗ Quốc Phong	ThS.BS	Khoa Hồi sức tích cực nội khoa và chống độc	0008253/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Hồi sức cấp cứu	12
3	Nguyễn Đình Thuyên	ThS.BS	Khoa Hồi sức tích cực nội khoa và chống độc	0015616/BYT-CCHN	Khám chữa, bệnh chuyên môn Hồi sức tích cực	11
4	Nguyễn Thị Nga	ThS.BS	Khoa Hồi sức tích cực nội khoa và chống độc	034474/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	8
5	Lê Thị Thương	ThS.BS	Khoa Hồi sức tích cực nội khoa và chống độc	039847/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	6
6	Phạm Xuân Hiếu	BSCKII	Khoa Cấp cứu	028935/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	9
7	Nguyễn Ngọc Hải	ThS.BS	Khoa Cấp cứu	0026772/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	10
8	Nguyễn Ngọc Vĩnh Yên	ThS.BS	Khoa Cấp cứu	038948/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	6
9	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS.BS	Khoa Cơ Xương Khớp	0017486/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	11
10	Nguyễn Trần Trung	ThS.BS	Khoa Cơ Xương Khớp	0017522/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	11

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
					Cơ Xương Khớp	
11	Đặng Chí Hiếu	ThS.BS	Khoa Cơ Xương Khớp	035945/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Cơ Xương Khớp	8
12	Trần Thị Sen Hồng	ThS.BS	Khoa Hô hấp	0017491/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	11
13	Phan Thị Hạnh	BSCKII	Khoa Hô hấp	0015671/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp	11
14	Trịnh Việt Anh	ThS.BS	Khoa hô hấp	0017496/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp	11
15	Đinh Thị Mỹ Dung	BSCKII	Khoa Nội tổng hợp	0008289/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	12
16	Nguyễn Thị Lan	ThS.BSNT	Khoa Nội tổng hợp	044756/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5
17	Vũ Thị Thu Hồng	ThS.BSNT	Khoa Nội tổng hợp	044757/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	5
18	Lê Hải Nam	ThS.BS	Khoa Nội thần kinh	0026776/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	10
19	Nguyễn Xuân Huyến	BSCKII	Khoa Nội thần kinh	0008269/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	12
20	Vũ Hạnh Hoa	ThS.BS	Khoa Nội thần kinh	006489/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	5
21	Đỗ Nguyệt Ánh	TS.BS	Khoa Nội Tiêu hoá	003848/BYT-CCHN; 974/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp; Nội soi Tiêu hoá; Siêu âm ổ bụng	12
22	Đặng Trung Thành	TS.BS	Khoa Nội Tiêu hoá	000377/BYT-CCHN; 4486/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp; Nội soi Tiêu hoá	13
23	Nguyễn Thị Hương Giang	BSCKII	Khoa Nội Tiêu hoá	0007291/BYT-CCHN; 4484/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp; Nội soi Tiêu hoá; Siêu âm ổ bụng	12
24	Lê Văn Cơ	ThS.BS	Khoa Nội Tiêu hoá	0008272/BYT-CCHN; 4487/QĐ-	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp; Nội soi Tiêu hoá; Siêu âm ổ	12

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
				BYT	bụng	
25	Nguyễn Phương Thuỳ	ThS.BS	Khoa Nội Tiêu hoá	035468/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	8
26	Đào Ngọc Linh	ThS.BS	Khoa Nội Tiêu hoá	039273/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	6
27	Nguyễn Ngọc Đại Lâm	ThS.BS	Khoa Nội Gan mật	0007370/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	12
28	Nguyễn Văn Thành	ThS.BS	Khoa Nội Gan mật	0017298/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	11
29	Nguyễn Trọng Nhân	ThS.BS	Khoa Nội Gan mật	0017468/BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp	11
30	Phan Thảo Nguyên	TS.BS	Khoa Nội Tim mạch người lớn	0027888/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Can thiệp tim mạch	10
31	Lý Đức Ngọc	BSCKII	Khoa Nội Tim mạch người lớn	0015731/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	11
32	Vũ Văn Bạ	TS.BS	Khoa Nội Tim mạch người lớn	0015702/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	11
33	Nguyễn Thế Huy	BSCKII	Khoa Nội Tim mạch người lớn	0025775/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	10
34	Nguyễn Minh Tuấn	TS.BS	Khoa Thận Tiết niệu - Lọc máu	0017500/BYT - CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	11
35	Nguyễn Hồng Vĩ	BSCKII	Khoa Thận - Tiết niệu - Lọc máu	0008282/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	12
36	Hoàng Nam Phong	BSCKII	Khoa Thận tiết niệu - lọc máu	0008258/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	12
37	Đỗ Trường Sơn	PGS. TS. BS CKII	Ngoại tổng hợp	6903/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12
38	Đặng Quốc Ái	PGS.TS	Ngoại tổng hợp	0027828/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
39	Phạm Thái Hưng	Tiến sĩ	Ngoại tổng hợp	001958/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	13
40	Lương Đức Anh	Thạc sĩ	Ngoại tổng hợp	0015656/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	11
41	Hữu Hoài Anh	TS.BS	Khoa Phẫu thuật Tiêu hóa	0008283/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12
42	Nguyễn Quốc Đạt	ThS.BS	Khoa Phẫu thuật Tiêu hóa	0028419/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	9
43	Nguyễn Khắc Điệp	ThS.BS	Khoa Phẫu thuật Tiêu hóa	0035947/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8
44	Kiều Quốc Hiền	ThS.BSCKII	khoa Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	0007310/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	12
45	Nguyễn Văn Điệp	ThS.BS	khoa Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	035553/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	8
46	Nguyễn Ngọc Hải	ThS.BS	khoa Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	039586/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	6
47	Nguyễn Phú Tiến	ThS.BS	khoa Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	035552/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	8
48	Nguyễn Trung Tuyến	TS.BS	Khoa phẫu thuật chấn thương chỉnh hình và y học thể thao	0006857/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12
49	Nguyễn Đình Hiếu	ThS.BS	Khoa Phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình & Y học thể thao	028109/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	9
50	Le Khánh Trình	ThS.BS	Khoa Phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình và Y học thể thao	026189/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	5
51	Phạm Sơn Tùng	ThS.BS	Khoa Phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình và Y học thể thao	003147/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	7

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
52	Đỗ Tuấn Anh	BSCKII	Khoa Phẫu thuật Cột sống	029662/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	9
53	Kiều Quang Thuận	ThS.BS	Khoa Phẫu thuật cột sống	029377/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	8
54	Lê Hồng Nhân	TS.BS	Khoa Phẫu thuật Thần kinh	0008792/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12
55	Phạm Văn Bính	ThS.BSCKII	Khoa Phẫu thuật Thần kinh	035567/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Thần kinh	8
56	Đoàn Tuấn Anh	ThS.BSCKI	Khoa Phẫu thuật Thần kinh	012741/NA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Thần kinh	5
57	Nguyễn Đình Liên	TS.BS	Khoa Phẫu thuật Thận tiết niệu và nam học	000166/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	13
58	Mai Văn Lực	BSCKI	Khoa Phẫu Thuật thận tiết niệu và nam học	004218/VP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	8
59	Nguyễn Thị Kiều Oanh	BSCKII	Khoa Phụ Sản	0015621/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	11
60	Trần Thị Hải Hà	BSCKI	Khoa Phụ Sản	039620/ BYT - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	6
61	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS.BS	Khoa Phụ Sản	0015654/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	11
62	Ngô Văn Thanh	ThS.BS	Khoa Phụ Sản	0026781/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	10
63	Quang Văn Khôi	BSCKI	Khoa Phụ Sản	0026748/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	10
64	Trương Văn Quý	BSCKII	Khoa Nội Nhi tổng hợp	032892/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	8
65	Đậu Xuân Đại	ThS.BS	Khoa Nội Nhi tổng hợp	042080/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5
66	Chu Thị Thanh Hoa	ThS.BS	Khoa Nội Nhi tổng hợp	042079/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	7
67	Ninh Thị Phương Mai	ThS.BS	Khoa Nội Nhi tổng hợp	042080/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	5

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
68	Trần Đắc Đại	TS.BS	Khoa tim trẻ em	035941/BYT-CCHN	Nội tim mạch, nội nhi	8
69	Bùi Quang Huy	ThS.BS	Khoa tim trẻ em	0015703/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tim mạch	11
70	Trần Đắc Đại	TS.BS	Khoa Tim trẻ em	035941/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tim mạch, nội nhi	8
71	Đoàn Thị Hoài Thu	BSCKII	Khoa Tim Trẻ Em	029694/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	9
72	Đào Văn Cao	BSCKII	Khoa Bệnh nhiệt đới	0007342/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	12
73	Bùi Thị Thu Hoài	TS.BS	Khoa Bệnh nhiệt đới	037001/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	7
74	Vũ Phương Nga	BSCKII	Khoa Bệnh nhiệt đới	0007342/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	7
75	Bùi Văn Dân	TS.BS	Khoa Dị ứng, Miễn dịch và Da liễu	0025803/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng, miễn dịch lâm sàng	11
76	Đinh Thị Lê Thành	ThS.BSCKII	Khoa Dị ứng, Miễn dịch và Da liễu	0007297/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Da liễu	12
77	Nguyễn Thị Thu Lan	BSNT	Khoa Dị ứng, Miễn dịch và Da liễu	022354/HNO-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng, miễn dịch lâm sàng	8
78	Nguyễn Lê Hà	BSCKII.BSNT	Khoa Dị ứng, Miễn dịch và Da liễu	039304/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Dị ứng, miễn dịch lâm sàng	6
79	Ninh Thị Hương Giang	BSCKII	Khoa Y học cổ truyền	0021189/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	10
80	Đỗ Thị Thanh Hiền	ThS.BS	Khoa Y học cổ truyền	028334/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	5
81	Trần Ngọc Thạch	BSCKII	Khoa Y học cổ truyền	002516/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	12
82	Vũ Xuân Triển	BSCKII	Khoa Phục hồi chức năng	0027096/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng.	5
83	Phạm Ngọc Quang	ThS.BS	Khoa Răng Hàm Mặt	000502/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	13

TT	Khoa/ Họ và tên	Học hàm, học vị	Khoa/ phòng	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi chuyên môn hành nghề (Theo chứng chỉ hành nghề)	Số năm kinh nghiệm KCB (tính từ khi được cấp CCHN)
84	Lê Trung Kiên	ThS.BS	Khoa Răng Hàm Mặt	042579/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	5
85	Lê Đình Hưng	BSCKII	Khoa Tai Mũi Họng	001090/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh Tai Mũi Họng	13
86	Lê Đình Hưng	ThS.BSCKII	Tai Mũi Họng	001090/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	13
87	Trần Thị Mai	ThS.BSNT	Tai Mũi Họng	0007331/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	12
88	Nguyễn Hy Quang	ThS.BSCKII	Tai Mũi Họng	0015639/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	11
89	Nguyễn Thị Lan Anh	BSCKII	Khoa Mắt	0015670/BTT-CCHN	Khám chữa, bệnh chuyên khoa Mắt	11
90	Phạm Diệu Linh	ThS.BS	Khoa Mắt	036855/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	7
91	Nguyễn Duy Bích	BSCKII	Khoa Mắt	003173/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	12
92	Dương Thị Huế	ThS.BS	Khoa Mắt	029668/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	8
93	Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS.BSNT	Khoa Mắt	003173/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	9

Danh sách người hướng dẫn sẽ được cập nhật bổ sung trong quá trình triển khai thực tế./.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Nguyễn Công Hựu

Phụ lục II

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 1024 /BVE-ĐT&CĐT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện E)

1. ĐỐI TƯỢNG:

Bác sĩ y khoa hoặc bác sĩ đa khoa chưa được cấp giấy phép hành nghề.

2. MỤC TIÊU

Có đủ năng lực thực hiện khám, chữa bệnh đa khoa cho người bệnh

❖ ***Mục tiêu kiến thức:***

1. Áp dụng được kiến thức y học cơ sở và lâm sàng vào giải quyết các vấn đề của người bệnh: khám bệnh, tư vấn, điều trị, phục hồi chức năng và phòng bệnh.
2. Trình bày các quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

❖ ***Mục tiêu kỹ năng:***

3. Hỏi bệnh, thăm khám lâm sàng thành thạo, tổng hợp và phân tích được kết quả lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán (ban đầu, phân biệt và xác định) một số bệnh lý thường gặp.
4. Lập được kế hoạch, xây dựng các phác đồ điều trị, theo dõi chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh lý thường gặp ở các chuyên khoa.
5. Thực hiện được chẩn đoán và xử trí kịp thời các bệnh cấp cứu thường gặp. Chẩn đoán và điều trị cơ bản được một số bệnh lý trong lâm sàng. Phát hiện, xử trí ban đầu được một số bệnh khó, chuyên khoa sâu để hội chẩn và chuyển đúng chuyên khoa, bệnh viện để tiếp tục điều trị cho người bệnh.
6. Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng. Xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.

❖ ***Mục tiêu thái độ:***

7. Tôn trọng, thấu cảm và chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình bệnh nhân. Thể hiện thái độ nghiêm túc và rèn luyện tác phong tỉ mỉ, cẩn thận khi thăm khám và điều trị bệnh nhân
8. Nghiêm túc báo cáo đầy đủ các sự cố y khoa.
9. Thể hiện sự tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp.
10. Tự học, cập nhật, nâng cao kiến thức y khoa liên tục, học tập suốt đời.

3. PHẠM VI, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Phạm vi: Thực hành khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

Địa điểm: Các khoa phòng của Bệnh viện E.

4. THỜI GIAN THỰC HÀNH

Học viên học tập trung 12 tháng *(52 tuần)*

5. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Học viên được cập nhật, bổ sung kiến thức về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và được thực hành khám bệnh chữa bệnh các chuyên khoa với thời lượng như sau:

TT	Nội dung	Thời gian (tuần)	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Cấp cứu	12	480	34	446
2	Nội khoa	14	560	60	500
3	Ngoại khoa	6	240	24	216
4	Sản khoa	4	160	16	144
5	Nhi khoa	4	160	22	138
6	Truyền nhiễm	2	80	8	72
7	Miễn dịch dị ứng và da liễu	1	40	12	28
8	YHCT và PHCN	2	80	22	58
9	Chuyên khoa lẻ	3	120	24	96
10	Kỹ năng cơ bản cho viên chức y tế: Luật khám chữa bệnh, Luật BHYT, Quy tắc ứng xử…	1	40	18	22
11	Ôn tập, thi kết thúc khóa học	1	40	00	40
Tổng		**50**	**2000**	**240**	**1760**

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN E

Nguyễn Công Hựu